

---

## MỤC LỤC

<b>PHẦN MỞ ĐẦU</b> .....	1
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Phạm vi nghiên cứu .....	3
3. Nhiệm vụ nghiên cứu .....	3
4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu .....	4
5. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn và điểm mới về khoa học của luận văn .....	4
6. Bố cục của luận văn .....	5
<b>CHƯƠNG 1: CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ PHONG KIẾN VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ X ĐẾN THẾ KỶ XV</b> .....	6
1.1. Pháp luật hình sự dưới các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê (trước thế kỷ XI)..6	
1.1.1. Thực trạng pháp luật .....	7
1.1.2. Hình thức pháp luật .....	9
1.1.3. Việc áp dụng pháp luật hình sự của đế chế Trung Hoa phong kiến ở Việt Nam thời kỳ này.....	9
1.2. Pháp luật hình sự dưới triều Lý (1009-1225) .....	10
1.2.1. Về giá trị của pháp luật hình .....	11
1.2.2. Hệ thống các văn bản pháp luật hình sự .....	11
1.2.2.1. Xây dựng bộ luật thành văn đầu tiên.....	11
1.2.2.2. Các văn bản pháp luật đơn hành-các đạo, chiếu, lệnh.....	11
1.2.3. Những quy định chủ yếu trong pháp luật hình sự dưới triều Lý.....	14
1.2.3.1. Một số nguyên tắc chung của pháp luật hình sự.....	14
1.2.3.2. Hình phạt.....	15
1.2.3.3. Tội phạm .....	16
1.2.4. Quy định về tha miễn hình phạt .....	16
1.2.5. Sự linh hoạt của pháp luật trung Hoa phong kiến .....	17
1.3. Pháp luật hình sự dưới triều Trần (1225-1400) .....	18
1.3.1. Hệ thống các văn bản pháp luật hình sự .....	18
1.3.2. Những quy định chủ yếu của pháp luật hình sự dưới triều Trần.....	20
1.3.2.1. Một số nguyên tắc hình sự cơ bản .....	20
1.3.2.2. Quy định về hình phạt .....	21
1.3.2.3. Quy định về tội phạm .....	22
1.4. Pháp luật hình sự dưới triều Hồ.....	23
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 1</b> .....	25

---

## **CHƯƠNG 2 : CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ PHONG KIẾN VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ XV ĐẾN THẾ KỶ XIX**

.....	26
2.1. Pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam dưới triều Hậu Lê(1428-1788).....	26
2.1.1. Về hệ thống các văn bản pháp luật.....	28
2.1.2. Những vấn đề cơ bản của pháp luật hình sự dưới triều Hậu Lê.....	31
2.1.2.1. Vấn đề về hiệu lực của đạo luật hình sự.....	31
2.1.2.2. Những nguyên tắc hình sự chủ đạo.....	32
2.1.2.3. Về tội phạm.....	36
2.1.2.4. Hệ thống hình phạt.....	40
2.1.2.5. Quyết định hình phạt.....	43
2.2. Pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam dưới triều Nguyễn từ 1802-1884....	45
2.2.1. Về hiệu lực của đạo luật hình sự.....	47
2.2.2. Các nguyên tắc của pháp luật hình sự.....	47
2.2.3. Vấn đề trách nhiệm hình sự.....	49
2.2.4. Về tội phạm.....	50
2.2.4.1. Khái niệm và phân loại tội phạm.....	50
2.2.4.2. Vấn đề lỗi của tội phạm.....	52
2.2.4.3. Các giai đoạn thực hiện tội phạm.....	52
2.2.4.4. Về đồng phạm.....	52
2.2.5. Hệ thống hình phạt.....	52
2.2.5.1. Ngũ hình.....	52
2.2.5.2. các hình phạt khác ngoài ngũ hình.....	53
2.2.6. Vấn đề quyết định hình phạt.....	54
<b>KẾT LUẬN CHƯƠNG 2.....</b>	<b>55</b>
<b>CHƯƠNG 3: VẤN ĐỀ LĨNH HỘI NHỮNG GIÁ TRỊ PHÁP LUẬT TRUYỀN THỐNG NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI.....</b>	<b>56</b>
3.1. Sự cần thiết của việc lĩnh hội những giá trị pháp luật truyền thống trong hoạt động lập pháp hình sự đương đại.....	56
3.1.1. Đối với hoạt động lập pháp nói chung.....	56
3.1.2. Đối với pháp luật hình sự.....	57
3.2. Một số giá trị pháp luật truyền thống cần được lĩnh hội để hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đương đại.....	59
3.2.1. Tinh thần nhân đạo.....	59
3.2.2. Sự công minh.....	66

---

3.2.3. Bảo vệ các chuẩn mực đạo đức được thừa nhận chung của Phương Đông...	70
KẾT LUẬN CHƯƠNG 3.....	74
<b>PHẦN KẾT</b>	
<b>LUẬN</b> .....	75
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	77

Thank you for trying PDF Suite

---

## PHẦN MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài

“Hoàn thiện chính sách, pháp luật hình sự” là một trong những nhiệm vụ hàng đầu mà Nghị quyết 49-NQ/TW năm 2005 của Bộ Chính trị đã đề ra trong chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020. Thực hiện nhiệm vụ này, trong thời gian tới chúng ta cần có những nghiên cứu, phân tích, đánh giá để lựa chọn những giá trị pháp lý nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự. Trong đó, việc nghiên cứu những đặc điểm của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam, trên cơ sở đó phân tích những giá trị pháp lý truyền thống của dân tộc góp phần hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đương đại có ý nghĩa rất quan trọng trong giai đoạn hiện nay.

Đến thời điểm hiện nay đã có một số nghiên cứu liên quan đến pháp luật Việt Nam thời kỳ phong kiến và vấn đề hoàn thiện pháp luật Việt Nam nói chung, pháp luật hình sự Việt Nam nói riêng trên cơ sở những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc trong thời kỳ này, điển hình như : 1. Cổ luật Việt Nam thông khảo của Vũ Văn Mẫu, Đại học Sài Gòn, 1970; 2. Một số văn bản pháp luật Việt Nam thế kỷ XV - XVIII, nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội, 1994; 3. Lịch sử luật hình sự Việt Nam, Tiến sĩ Trần Quang Tiệp, Nhà xuất bản Chính trị Quốc gia, Hà nội, 2003; 4. Quốc triều hình luật - lịch sử hình thành, nội dung và giá trị, TS. Lê Thị Sơn, Nhà xuất bản khoa học xã hội, Hà nội, 2004; 5. Nhà nước và pháp luật phong kiến Việt Nam - những suy ngẫm, Bùi Xuân Đính, 2005. Hoặc trong các giáo trình, sách chuyên khảo như: 1. Giáo trình luật hình sự Việt Nam( phân chung), TSKH.PGS Lê Văn Cẩm(chủ biên), Nhà xuất bản Đại học quốc gia Hà nội, 2001; 2. Giáo trình luật hình sự Việt Nam(tập 1), Nguyễn Ngọc Hoà (chủ biên), Nhà xuất bản Giáo dục, Hà nội, 2006 ; 4. Luật hình sự Việt Nam (quyển 1- Những vấn đề chung), Đào Trí Úc, Nhà xuất bản Khoa học xã hội, Hà nội, 2000.... Ngoài ra còn rất nhiều bài viết trên các tạp chí khoa học của TSKH. PGS Lê Cẩm như : 1. Luật hình sự Việt Nam trước thế kỷ XV - Tạp chí Dân chủ và pháp luật số 5/1999; 2. Luật hình sự Việt Nam thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XIII - Tạp chí dân chủ và pháp luật số 8/1999; hoặc của một số tác giả khác như PGS.TS Hoàng Thị Kim Quế với tham luận “Mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức trong bộ Quốc triều hình luật và những giá trị đương đại” tại hội thảo quốc gia về Quốc triều hình luật tại Thanh Hóa/2007; TS. Dương Tuyết Miên -Quyết định hình phạt trong Hoàng Việt luật lệ - Tạp chí Luật học số 11/2006 ...đề cập đến những vấn đề của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam.

Tuy nhiên tất cả các nghiên cứu trên đây của các tác giả mới ở dạng là các bài viết nhỏ hoặc một phần, một mục trong giáo trình, sách chuyên khảo hay sách tham khảo. Còn cho đến nay, trong khoa học luật hình sự Việt Nam chưa có một công trình nghiên cứu nào đề cập một cách tương đối sâu sắc, toàn diện các vấn đề về đặc điểm

---

cơ bản nhất của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam, trên cơ sở đó tìm ra những giá trị pháp lý truyền thống nhằm hoàn thiện luật hình sự Việt Nam đương đại. Việc tiếp tục nghiên cứu sâu sắc hơn và có cái nhìn toàn diện hơn về pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam trong bối cảnh chúng ta đang thực hiện công cuộc cải cách tư pháp, hoàn thiện hệ thống pháp luật là một vấn đề mang tính cấp thiết. Với lý do trên mà tôi đã quyết định lựa chọn đề tài : ***“Pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam: những đặc điểm cơ bản và vấn đề lĩnh hội một số giá trị pháp luật truyền thống”*** làm đề tài luận văn thạc sĩ của mình.

## **2. Phạm vi nghiên cứu**

1) Thực trạng pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam qua từng giai đoạn lịch sử, rút ra những đặc điểm nổi bật.

2) Hệ thống hoá một số văn bản pháp luật hình sự phong kiến nổi bật, quan trọng, có ý nghĩa khoa học sâu sắc và nội dung các chế định luật hình sự cơ bản.

3) Trên cơ sở những nghiên cứu đó, phân tích, đánh giá những giá trị pháp luật hình sự truyền thống trong giai đoạn này có ý nghĩa thế nào đối với pháp luật hình sự Việt Nam đương đại, vận dụng trong quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong giai đoạn tiếp theo.

## **3. Nhiệm vụ nghiên cứu.**

1) Phân tích khoa học những đặc điểm cơ bản của pháp luật hình sự dưới các triều đại phong kiến.

2) Khái quát về sự hình thành, phát triển hệ thống các văn bản pháp luật hình sự phong kiến có chứa đựng các quy phạm pháp luật hình sự.

3) Nghiên cứu những chế định luật hình sự quan trọng trong các Bộ luật hình sự phong kiến tiêu biểu, từ đó đưa ra những đánh giá nhất định về ý nghĩa của nó trong giai đoạn lịch sử tương ứng.

4) Khẳng định và phân tích những giá trị pháp lý truyền thống và việc lĩnh hội chúng trong pháp luật hình sự Việt Nam đương đại nhằm hoàn thiện luật hình sự Việt Nam.

## **4. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu**

Để đạt được những mục đích đã đặt ra, trên cơ sở lý luận là phép duy vật biện chứng và duy vật lịch sử, luận văn đã sử dụng một số phương pháp nghiên cứu như : phương pháp so sánh, phân tích tài liệu, nghiên cứu lịch sử và phương pháp tổng hợp. Ngoài ra, việc nghiên cứu đề tài còn dựa trên những thành tựu của khoa học kỹ thuật hình sự, xã hội học pháp luật, lịch sử pháp luật trong các công trình của các nhà khoa học trong và ngoài nước.

## **5. Ý nghĩa lý luận, thực tiễn và điểm mới về khoa học của luận văn**

---

Ý nghĩa lý luận và thực tiễn quan trọng của luận văn ở chỗ tác giả đã phân tích làm rõ những đặc điểm cơ bản của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam suốt một giai đoạn lịch sử kéo dài gần 10 thế kỷ và trên cơ sở đó, rút ra những giá trị pháp luật truyền thống có ý nghĩa quan trọng đối với pháp luật hình sự Việt Nam đương đại, đặc biệt trong giai đoạn tới khi chúng ta tiến hành công cuộc cải cách tư pháp mà vấn đề hoàn thiện pháp luật hình sự là một trong những nhiệm vụ quan trọng.

Ngoài ra, điểm mới của luận văn này, ở chừng mực nhất định có thể khẳng định đây là nghiên cứu chuyên khảo đồng bộ đầu tiên ở cấp độ một luận văn thạc sỹ luật học đề cập riêng đến các đặc điểm của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam, đồng thời chỉ ra những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc, trên cơ sở đó góp phần vào quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay. Do đó, nó có ý nghĩa làm tài liệu tham khảo cần thiết cho các cán bộ nghiên cứu khoa học, cán bộ giảng dạy, nghiên cứu sinh, học viên cao học và sinh viên thuộc chuyên ngành tư pháp hình sự.

## **6. Bố cục của luận văn**

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, luận văn bao gồm ba chương với kết cấu như sau:

Chương 1: Các đặc điểm cơ bản của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XV

Chương 2: Các đặc điểm cơ bản của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam từ thế kỷ X đến thế kỷ XV

Chương 3: Vấn đề lĩnh hội những giá trị pháp luật hình sự truyền thống trong quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đương đại.

## **CHƯƠNG 1**

### **CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ PHONG KIẾN VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ X ĐẾN THẾ KỶ XV**

#### **1.1. Pháp luật hình sự dưới các triều đại Ngô, Đinh, Tiền Lê (trước thế kỷ XI)**

##### **1.1.1. Thực trạng pháp luật**

Dưới thời nhà Ngô, hiện không có nguồn tài liệu nào cho thấy về việc ban hành pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng mà trong Đại Việt sử ký toàn thư, chỉ ghi nhận, năm 950, khi đem quân đi đánh thôn Đường, Ngô Xương Văn bảo với hai viên chỉ huy sứ Dương Cát Lợi và Đỗ Cảnh Thạc rằng “Đức của tiên vương ta thấm khắp lòng dân, phạm chính lệnh ban ra không ai không vui lòng nghe theo”,

---

điều này chỉ cho thấy dưới triều đại Nhà Ngô cũng đã bắt đầu có những quy định pháp luật nhưng nội dung, hình thức của “chính lệnh” như thế nào thì không được ghi nhận.

Dưới triều đại Nhà Đinh, theo các nguồn sử liệu còn lưu lại thì có thể nhận thấy rằng, việc quy định hành vi nào là tội phạm và áp dụng hình phạt nào tương ứng đều tùy ý của Vua hay các viên quan đứng đầu khu vực. Thời Tiên Lê, nhà vua thường tùy tiện xét xử, vua Lê Đại Hành vẫn giữ nguyên hình phạt và cách thức thi hành các hình phạt dưới triều Đinh.

Với những ghi chép lịch sử trên, có thể nhận định rằng hình pháp thời Ngô, Đinh và Tiên Lê tuy được ghi nhận rất ít ỏi trong sử sách nhưng nhìn chung là rất hà khắc và tàn bạo, đây là đặc điểm chung của hầu hết các quốc gia thời cổ trung đại nhằm ổn định trật tự xã hội, chống lại các thế lực chống đối và giữ vững vương quyền.

### **1.1.2. Hình thức pháp luật**

Cho đến nay, chưa có nguồn sử liệu nào khẳng định một cách chắc chắn rằng việc áp dụng pháp luật của Nhà nước phong kiến Việt Nam giai đoạn chúng ta đang nghiên cứu có dựa trên luật thành văn hay không? Đây là một vấn đề lý luận cần được nghiên cứu làm sáng tỏ. Tuy nhiên, dựa trên những nguồn sử liệu mà chúng ta có hiện nay có thể thấy rằng, rất có thể trong giai đoạn này pháp luật thành văn đã hình thành, đặc biệt là dưới triều Tiên Lê thì có thể khẳng định pháp luật thành văn đã được hình thành, trong Đại Việt sử ký toàn thư có viết “năm 1002, vua Lê định luật lệnh”. Ngoài ra, vào thời kỳ này pháp luật thành văn đã được sử dụng tại Trung Hoa phong kiến, cho nên chính quyền phong kiến Việt Nam giai đoạn này hoàn toàn có điều kiện áp dụng kinh nghiệm lập pháp của họ để áp dụng vào nước ta.

### **1.1.3. Việc áp dụng pháp luật hình sự của đế chế Trung Hoa phong kiến ở Việt Nam thời kỳ này.**

Hiện nay chưa có nguồn sử liệu nào khẳng định việc áp dụng bộ luật nhà Đường (năm 653) của nhà nước phong kiến Việt Nam trong giai đoạn này, nhưng qua những diễn biến lịch sử trước thế kỷ thứ XI, có thể đưa ra giả thiết rằng, trong giai đoạn này những người cầm quyền nhà nước phong kiến Việt Nam có thể áp dụng các đạo luật của đế chế trung Hoa thời nhà Đường. Như Giáo sư Insun Yu đã kết luận : “Hệ thống pháp luật phong kiến ở bán đảo Triều Tiên và Việt Nam (Đại Việt, Đại Nam) chịu ảnh hưởng của pháp luật Trung Quốc, cụ thể là luật nhà Đường...”

## **1.2. Pháp luật hình sự dưới triều Lý (1009 - 1225)**

Nghiên cứu hệ thống pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng giai đoạn này, chúng ta có thể nhận thấy *những đặc điểm cơ bản của pháp luật hình sự dưới triều Lý như sau:*

### **1.2.1. Về giá trị của pháp luật hình sự.**

---

Dưới triều Lý, giá trị của pháp luật hình sự được đánh giá rất cao vì các kiến thức về pháp luật hình sự được coi là điều kiện cần thiết khi thi tuyển vào các chức quan làm việc trong Bộ máy Nhà nước phong kiến (Ba môn thi bắt buộc là hình luật, viết chữ và toán). Việc soạn thảo, ban hành các văn bản pháp luật hình sự rất được những nhà cầm quyền triều Lý quan tâm.

### **1.2.2. Hệ thống các văn bản pháp luật hình sự**

#### **1.2.2.1. Xây dựng bộ luật thành văn đầu tiên**

Để củng cố quyền lực của triều đình Nhà Lý và ổn định xã hội, năm 1042, Lý Thái Tông sai trung thư sảnh sửa định luật lệ, chia môn loại, biên ra điều khoản, lập ra Hình thư.

Đây là bộ luật thành văn đầu tiên của nước ta, đánh dấu một thành tựu to lớn trong lịch sử pháp luật Đại Việt.

#### **1.2.2.2. Các Văn bản pháp luật đơn hành - các đạo, chiếu, lệnh.**

Ngoài Bộ Hình thư, dưới triều Lý còn ban hành nhiều đạo, chiếu, lệnh quy định các vấn đề về hình sự đã được sử cũ ghi lại.

### **1.2.3. Những quy định chủ yếu trong pháp luật hình sự dưới triều Lý**

#### **1.2.3.1. Một số nguyên tắc chung của pháp luật hình sự**

- 1) Nguyên tắc mọi vi phạm pháp luật đều được trừng trị bằng hình phạt.
- 2) Nguyên tắc chuộc tội bằng tiền, nguyên tắc này được áp dụng đối với một số chủ thể.
- 3) Nguyên tắc truy cứu trách nhiệm hình sự liên đới, nguyên tắc này dựa trên cơ sở quan hệ huyết thống và quan hệ hôn nhân gia đình.

#### **1.2.3.2. Hình phạt**

Dưới triều Lý đã bắt đầu hình thành hệ thống hình phạt tương đối cụ thể và có hệ thống, bao gồm:

- 1) Ngũ hình: hệ thống ngũ hình có lẽ được quy định trong bộ Hình Thư (hiện không còn tài liệu ghi nhận nội dung), nhưng trong các chiếu lệnh cũng có đề cập đến.
- 2) Các hình phạt khác: thích chữ vào thân thể được coi là hình phạt phụ được áp dụng phổ biến đối với nhiều loại tội (chiếu 1042, 1043, 1044 ...)

#### **1.2.3.3. Tội phạm**

- 1) Tội thập ác: được đề cập trong Chiếu 11/1042.
- 2) Nhóm tội cấm vệ.
- 3) Nhóm tội về chức vụ .
- 4) Nhóm tội về quân sự.
- 5) Nhóm tội xâm phạm tính mạng, sức khoẻ con người .
- 6) Nhóm tội trộm cướp, trộm cắp.



---

Thời kỳ này các nhà làm luật đã bắt đầu có sự phân biệt giữa vô ý phạm tội và cố ý phạm tội; bắt đầu có khái niệm về đồng phạm, về trách nhiệm hình sự liên đới

#### **1.2.4. Quy định về tha miễn hình phạt**

Trước Triều Lý, nghiên cứu các tài liệu trong sử cũ cho thấy các quy định về tha miễn hình phạt chưa được đề cập đến trong pháp luật phong kiến Việt Nam. Trong sử liệu cũ chỉ ghi nhận năm 1129, Lý Thần Tông xuống chiếu tha cho những người phạm tội trong nước..

#### **1.2.5. Sự lĩnh hội pháp luật hình sự Trung Hoa phong kiến**

Trong giai đoạn này, hai bộ luật của Trung Hoa phong kiến là Bộ luật nhà Đường (năm 653) và Bộ luật nhà Tống (năm 936) có ảnh hưởng rất lớn đến pháp luật của các quốc gia lân cận, trong đó có Việt Nam. Dưới Triều Lý, rất nhiều các quy định pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng được hình thành trên cơ sở lĩnh hội những quy định trong hai bộ luật này của nhà nước Trung Hoa phong kiến, chẳng hạn như :

- 1) Chế định ngũ hình
- 2) Chế định về tội phạm.

### **1.3. Pháp luật hình sự dưới triều Trần (1225- 1400).**

#### **1.3.1. Hệ thống các văn bản pháp luật hình sự**

Trong thời kỳ này, điểm nổi bật nhất là việc ban hành hai bộ luật dưới đời vua Trần Thái Tông và Trần Dụ Tông trong đó có bao gồm các quy định pháp luật hình sự: Bộ Quốc Triều Thông Chế (còn gọi là Quốc triều hình luật) ban hành năm 1230 gồm 20 quyển dưới thời vua Trần Thái Tông và Bộ Hình Thư năm 1341 dưới thời vua Trần Dụ Tông. Ngoài hai bộ luật này, dưới triều nhà Trần còn ban hành một số văn bản pháp luật đơn hành điều chỉnh các quan hệ pháp luật hình sự .

#### **1.3.2. Những quy định chủ yếu của pháp luật hình sự dưới triều Trần.**

##### **1.3.2.1. Một số nguyên tắc hình sự cơ bản.**

- 1) Nguyên tắc mọi vi phạm pháp luật đều được trừng trị bằng chế tài hình sự.
- 2) Nguyên tắc chuộc tội bằng tài sản.
- 3) Nguyên tắc trách nhiệm hình sự liên đới .

##### **1.3.2.2. Quy định về hình phạt**

- 1) Ngũ hình
- 2) Các hình phạt khác: a) *Phạt tiền* ; b) *Thích chữ vào thân thể* ; c) *Chặt tay, chân* ; d) *Tịch thu tài sản* ; e) *Biếm chúc hoặc cách chức*.

Nhìn chung, các chế tài hình sự thời kỳ này nghiêm khắc hơn thời kỳ nhà Lý.

##### **1.3.2.3. Quy định về tội phạm.**

Cũng như pháp luật hình sự dưới triều Lý, pháp luật hình sự dưới triều Trần đề cập đến nhóm tội phạm cơ bản của pháp luật hình sự phong kiến là Thập ác

---

Nhìn chung, pháp luật hình sự dưới triều Trần so với các triều đại phong kiến trước đó đã có những bước phát triển kế thừa, đặc biệt là về hiệu lực của pháp luật trong xã hội được nâng cao.

#### **1.4. Pháp luật hình sự dưới triều Hồ**

Về mặt pháp luật hình sự, cuối năm 1401 “Hán Thương định quan chế và hình luật nhà nước Đại Ngu”, nhưng trong sử cũ không có ghi chép về việc Nhà Hồ đã sửa đổi pháp luật như thế nào so với trước của thời Nhà Trần.

Nhìn chung, về mặt pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, do hoàn cảnh lịch sử Nhà Hồ chỉ tồn tại trong một thời gian rất ngắn, lại trong điều kiện đất nước đang gặp rất nhiều khó khăn, kinh tế suy đồi, nên những quy định trong lĩnh vực pháp luật hình sự mà Nhà Hồ ban hành chủ yếu nhằm mục đích phục vụ cho cuộc cải cách đất nước và giữ vững vương quyền. Nên về tính chất, pháp luật hình sự thời kỳ này hà khắc hơn so với triều đại nhà Trần

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 1**

1. Mặc dù trong giai đoạn này nền lập pháp nước ta nói chung trong đó có pháp luật hình sự đã bắt đầu hình thành và có những bước phát triển nhất định nhưng do hoàn cảnh lịch sử mà những di tích pháp lý quan trọng (Bộ Hình Thư triều Lý và Bộ Quốc triều Hình Luật, Hình Thư triều Trần) không còn nên việc nghiên cứu về nội dung của những quy định pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng trong giai đoạn này không được sâu sắc và toàn diện.

2. Với những di sản pháp lý còn lại cũng đã cho phép chúng ta có cái nhìn chung về luật hình sự Việt Nam giai đoạn này với những di tích pháp lý có giá trị, để lại những giá trị pháp luật truyền thống mà sau này được các triều đại phong kiến Việt Nam kế tiếp kế thừa và phát triển rục rờ vào thời kỳ Nhà Lê, Về một phương diện nhất định, những giá trị pháp lý trong giai đoạn này vẫn được các nhà nghiên cứu lập pháp đương đại tìm hiểu, đánh giá, góp phần vào công cuộc cải cách nền Tư pháp hiện nay trong đó bao gồm cả vấn đề hoàn thiện pháp luật hình sự.

### **CHƯƠNG 2**

#### **CÁC ĐẶC ĐIỂM CỦA PHÁP LUẬT HÌNH SỰ PHONG KIẾN VIỆT NAM TỪ THẾ KỶ XV ĐẾN THẾ KỶ XIX**

##### **2.1. Pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam dưới triều Hậu Lê (1428-1788)**

###### **2.1.1. Về hệ thống các văn bản pháp luật hình sự**

Thời kỳ này ngoài các chiếu, sắc, dụ, lệnh..., thời kỳ này nhà Lê đã xây dựng những Bộ luật nổi bật như: Quốc triều hình luật, Hồng Đức Thiện chính thư, Quốc

---

triều khám tụng điều lệ, đặc biệt là bộ Quốc triều Hình luật đến nay vẫn được các nhà nghiên cứu lập pháp tìm hiểu, đánh giá và vận dụng những giá trị pháp lý truyền thống của Việt Nam mà bộ luật ghi nhận. Do vậy, khi nghiên cứu pháp luật hình sự giai đoạn này, chúng ta nên tìm hiểu *một số vấn đề về Bộ Quốc triều hình luật 1483, như:*

### **1) Sự ra đời của bộ luật.**

Quốc triều hình luật là bộ luật xưa nhất của Việt Nam còn lưu giữ được đầy đủ cho tới ngày nay. Văn bản của bộ luật này là một trong những thư tịch cổ nhất hiện còn được đầy đủ và hiện được lưu trữ tại Viện Hán - Nôm (Hà Nội).

### **2) Bố cục của bộ luật**

Về bố cục của bộ luật, theo bản chữ Hán ký hiệu A.341 của Viện nghiên cứu Hán Nôm và bản dịch của Viện sử học, Quốc triều hình luật có 13 chương, ghi chép trong 6 quyển, gồm 722 điều. Ngoài ra, trước khi đi vào các chương và điều thì Quốc triều hình luật (QTHL) có các đồ biểu quy định về các hạng để tang và tang phục, về kích thước và các hình cụ (roi, trượng, gông, dây sắt).

Nghiên cứu Bộ QTHL chúng ta có thể rút ra những nhận định về bản chất pháp lý hình sự chung của Bộ luật:

- Là một bộ luật hình sự
- Chịu ảnh hưởng của quan điểm pháp trị Trung Hoa phong kiến.
- Ghi nhận những quy định tiến bộ và thể hiện những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc Việt Nam.

## **2.1.2. Những vấn đề cơ bản của pháp luật hình sự dưới triều Hậu Lê**

### **2.1.2.1. Vấn đề hiệu lực của đạo luật hình sự**

Bộ luật Quốc triều hình luật quy định tương đối đầy đủ các vấn đề về hiệu lực của đạo luật hình sự như các vấn đề về ân xá, về giảm nhẹ hình phạt đối với người già, trẻ em, phụ nữ và người tàn tật; không thừa nhận hiệu lực bắt buộc của một số án lệ đối với các vụ án tương tự được xét xử sau đó.

### **2.1.2.2. Những nguyên tắc hình sự chủ đạo**

#### **1) Nguyên tắc vô luật bất hình**

#### **2) Nguyên tắc chiếu cố .**

#### **3) Nguyên tắc chuộc tội bằng tiền.**

#### **4) Nguyên tắc về trách nhiệm hình sự.**

#### **5) Nguyên tắc về miễn, giảm trách nhiệm hình sự**

#### **6) Nguyên tắc thưởng người tố giác và trừng phạt kẻ che giấu tội phạm.**

#### **7) Nguyên tắc thân thuộc được che giấu tội cho nhau.**

### **2.1.2.3. Về tội phạm**

#### **1) Khái niệm tội phạm**

---

Các quy định trong các Bộ luật này đều không ghi nhận định nghĩa pháp lý của khái niệm tội phạm nói chung và về từng tội phạm nói riêng mà đi ngay vào quy định những hành vi nguy hiểm nào là tội phạm, mức độ, hậu quả của việc phạm tội...

Về phân loại tội phạm, Bộ luật Hồng Đức phân loại theo hai hướng:

- Hướng thứ nhất, lấy các loại hình phạt để phân loại tội phạm như tội đồ, tội xuy, tội lưu, tội trượng, tội biếm, tội tử...
- Hướng thứ hai, phân tội phạm ra làm 2 nhóm là nhóm tội thập ác và những nhóm tội bình thường khác.

## 2) Vấn đề lỗi

Qua nhiều quy phạm của Bộ luật Hồng đức có thể thấy rằng nhà làm luật dưới triều Hậu Lê đã có sự phân biệt giữa hai hình thức lỗi là : cố ý và vô ý phạm tội để có cách xử lý khác nhau. quan điểm này thể hiện tại Điều 47 của Bộ luật.

## 3) Về đồng phạm.

Mặc dù trong pháp luật hình sự triều Hậu Lê không có quy phạm định nghĩa chung về đồng phạm và các loại người đồng phạm nhưng qua một số quy định của luật, tính đồng phạm được thể hiện ở nguyên tắc trừng trị tội phạm và có sự phân biệt giữa chính phạm và tòng phạm khi xét xử.

## 4) Các giai đoạn thực hiện tội phạm.

a) Một người bị coi là tội phạm khi người đó có hành vi phạm tội trong đó có tính đến các giai đoạn chuẩn bị phạm tội và phạm tội chưa đạt như: nuôi trùng độc để giết người( điều 424), cùng nhau thoả thuận về việc đi cướp (Điều 454)...

b) Đối với một số loại trọng tội thì pháp luật quy định việc biểu lộ ý định phạm tội là giai đoạn đầu tiên của thực hiện tội phạm và cũng bị trừng phạt,

### 2.2.2.4. Hệ thống hình phạt.

1) Ngũ hình :Trong Bộ luật Hồng Đức được quy định rất rõ ràng, cụ thể.

2) Những hình phạt khác: Biếm tư ; Phạt tiền; Tịch thu tài sản; Thịch chữ vào cổ hoặc mặt; Xung vợ con làm nô tỳ.

### 2.2.2.5. Quyết định hình phạt

- Việc quyết định hình phạt dựa trên các căn cứ chung của việc tăng hoặc giảm hình phạt là phân biệt tội phạm được thực hiện do cố ý hoặc vô ý và cân nhắc các tình tiết cụ thể của vụ án.

- Căn cứ cụ thể của việc giảm hình phạt được quy định bằng các quy phạm chung.
- Các căn cứ cụ thể của việc tăng hình phạt được quy định bằng các quy phạm riêng đối với từng trường hợp cụ thể.

- Áp dụng chế định những hình phạt trong trường hợp tự thú.

- Quyết định hình phạt trong trường hợp đồng phạm : quy định người tổ chức cầm đầu phải chịu hình phạt nặng hơn với người đồng phạm có vai trò thực hành, giúp sức.

---

- Trường hợp tổng hợp hình phạt đối với một người phạm nhiều tội. Quy định tại Điều 37 Bộ luật Hồng Đức.

Ngoài ra, khi đề cập đến pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng trong giai đoạn này, do có sự phức tạp về bộ máy chính quyền trong thời Lê Trung Hưng nên chúng ta cần lưu ý các điểm sau :

- + *Thứ nhất*, thời kỳ Nam - Bắc triều (từ 1527 - 1592), trong giai đoạn này, Đại Việt tồn tại song song hai triều đại, đó là : Triều Mạc từ Ninh Bình trở ra Bắc (Bắc triều); Triều Lê, ở phía Nam, từ Thanh Hoá trở vào (Nam triều).

- + *Thứ hai*, ở nhà nước Đàng trong - Đàng ngoài, trong đó :

- Nhà nước Đàng Ngoài là Vua Lê - Chúa Trịnh thì vẫn áp dụng pháp luật của thời Lê sơ tuy có một số sửa đổi bổ sung như đối với Bộ Quốc triều hình luật như : Quy định cấm thi hành luật chuộc tội (năm 1663), quy định trừng phạt nặng đối với người chứa gá và người đánh bạc (năm 1698), trị tội đối việc tụ họp uống rượu (năm 1718); xây dựng bộ luật tố tụng hình sự lớn “ Quốc triều khám tụng điều lệ”.

- Nhà nước Đàng Trong - Chúa Nguyễn, về pháp luật nói chung hầu như không được ghi trong sử sách, có lẽ vẫn áp dụng pháp luật từ thời kỳ Lê sơ.

Ngoài ra, khi đề cập đến giai đoạn lịch sử này, mặc dù chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn và trong tình trạng chiến tranh liên miên nhưng chúng ta cũng phải kể đến triều đại Tây Sơn ( từ 1778 - 1802).

## **2.2. Pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam dưới triều Nguyễn từ 1802-1884.**

Năm 1811, Gia Long lệnh cho triều thần biên soạn bộ luật mới cho Triều Nguyễn, Nguyễn Văn Thành được đặc cử làm Tổng Tài chủ trì cùng với Vũ Trinh và Trần Hựu chịu trách nhiệm soạn thảo Bộ luật có tên là Hoàng Việt luật lệ, do được ban hành dưới thời vua Gia Long nên còn được gọi là Bộ luật Gia Long. Năm 1812, Gia Long viết lời tựa mở đầu Bộ luật và Bộ luật được đưa sang Trung Quốc để khắc in. Năm 1813, Bộ luật có hiệu lực trên phạm vi toàn quốc. Năm 1815, Bộ luật được in thành sách và phát hành trên toàn quốc - đây là lần đầu tiên một bộ luật có hiệu lực trên phạm vi toàn lãnh thổ Đại Việt, cả đàng trong, đàng ngoài.

Về mặt hình thức, Bộ Hoàng Việt luật lệ (HVLL) gồm 398 điều, chia thành 22 quyển và đã bắt đầu có sự phân ngành, tạo điều kiện thuận lợi cho việc áp dụng pháp luật.

- Về nội dung, mở đầu Bộ luật in lời tựa của Vua Gia Long, tiếp sau là Tổng mục về luật lệ của Vua Việt Nam. Bộ HVLL đã có sự phân ngành luật tạo điều kiện dễ dàng cho việc thực hiện pháp luật. Về mặt pháp luật hình sự (cả phân tố tụng), Bộ luật ghi nhận tại Quyển 1, 2, 3 và từ quyển 12 đến quyển 20.

Nghiên cứu phần luật hình sự của Bộ luật, chúng ta có thể rút ra *những đặc điểm của pháp luật hình sự giai đoạn này như sau:*

### **2.2.1. Về hiệu lực của Đạo luật hình sự:**

---

Lần đầu tiên trong lịch sử pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng của Đại Việt có một bộ luật ghi nhận về hiệu lực theo thời gian và không gian. Theo đó, Bộ HVLL có hiệu lực trên toàn bộ lãnh thổ Đại Nam (kể cả với người ngoại quốc phạm tội trên lãnh thổ Đại Nam); về mặt thời gian bộ luật quy định xử theo luật mới, kể cả đối với những tội phạm xảy ra trước khi bộ luật được ban xuống.

### **2.2.2. Các nguyên tắc của pháp luật hình sự**

1) *Nguyên tắc pháp căn, vô luật bất hình* : đây là nguyên tắc cơ bản nhất để xác định thế nào là một hành vi phạm tội.

2) *Nguyên tắc tỷ dẫn điều luật(so sánh luật)*.

3) *Nguyên tắc xét xử theo luật mới* .

4) *Nguyên tắc chiếu cố* .

5) *Nguyên tắc thưởng phạt*.

6) *Nguyên tắc thân thuộc được che dấu tội cho nhau*.

7) *Nguyên tắc luận tội theo tang vật* : chia thành 2 loại:

a) *Tính tang luận tội (luận tội theo tang vật)*.

b) *Chiết bán khoa tội (luận tội theo 1/2 tang vật)*.

8) *Nguyên tắc chuộc tội bằng tiền* .

### **2.2.3. Vấn đề trách nhiệm hình sự**

Theo quy định của Bộ Hoàng Việt luật lệ bất kỳ một hành vi nào xâm hại các quan hệ xã hội đã được Bộ luật bảo vệ đều bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

*Thứ nhất*, về chủ thể phải chịu trách nhiệm hình sự, pháp luật quy định chủ yếu là cá nhân.

*Thứ hai*, về độ tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự, Bộ luật quy định người từ đủ 8 tuổi đến 90 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự đối với mọi tội phạm.

*Thứ ba*, về các trường hợp được miễn, giảm trách nhiệm hình sự.

### **2.2.4. Về tội phạm**

#### **2.2.4.1 Khái niệm và phân loại tội phạm**

1) Phân loại theo hình phạt : gọi tên tội phạm theo hình phạt - tội xuy, tội trượng, tội đồ, tội lưu, tội tử (Điều 1).

2) Phân loại theo khách thể, bao gồm: a) Nhóm tội Thập ác; b) Nhóm tội Đạo tặc; c) Nhóm tội về Nhân mạng (giết người); d) Nhóm tội Đấu ấu; đ) Nhóm tội Lãng mạ; e) Nhóm tội Hối lộ; f) Nhóm tội Trá ngục; g) Nhóm tội Phạm gian; h) Nhóm tội Tạt phạm; i) Các nhóm tội phạm khác như : các nhóm tội vi phạm chế độ quản lý hành chính (Điều 46 - 72), các nhóm tội vi phạm về dân sự, ruộng đất, nhà ở, cưới gả (Điều 110 - 133);...

#### **2.2.4.2 Vấn đề lỗi của tội phạm**

---

Giống như trong QTHL, Bộ HVLL cũng đề cập đến hai loại lỗi của tội phạm đó là lỗi cố ý và lỗi vô ý, theo đó trách nhiệm hình sự đối với các loại tội với lỗi cố ý bao giờ cũng nặng hơn so với tội phạm thực hiện với lỗi vô ý.

#### **2.2.4.3 Các giai đoạn thực hiện tội phạm.**

Về mặt khái niệm, trong Bộ HVLL không nêu lên định nghĩa pháp lý về các giai đoạn thực hiện tội phạm. HVLL cũng phân chia các giai đoạn phạm tội gồm : mưu đồ, tổ chức, thực hiện đã hành động, chưa hành động, đã thành, chưa thành.

#### **2.2.4.4 Về đồng phạm**

Vấn đề đồng phạm trong Bộ HVLL được các nhà làm luật Nhà Nguyễn tiếp thu trong Bộ luật Hồng Đức. Đồng phạm theo HVLL là cùng phạm tội, gồm chính phạm và tòng phạm, trong đó, chính phạm bị xử nặng hơn tòng phạm một bậc.

**2.2.5. Hệ thống hình phạt :** bao gồm Ngũ hình và các hình phạt khác nhưng về tính chất thì hà khắc hơn. Cụ thể:

##### **2.2.5.1. Ngũ hình**

- Xuy hình: có 5 bậc - 10 , 20, 30, 40, 50 roi.
- Trượng hình : đánh bằng gậy, có 5 bậc - 60, 70, 80, 90, 100 trượng.
- Đồ hình( tù khổ sai).
- Lưu hình (đi đày)
- Tử hình (giết chết).

**2.2.5.2. Các hình phạt khác ngoài ngũ hình:** Phạt tiền; Xâm chửi trên mặt hoặc trên cánh tay; Mang gông, xiềng; Tịch thu tài sản; Sung vợ con làm nô tỳ; Giáng phẩm trật, bãi chức, thuyên chuyển công tác.

##### **2.2.6. Vấn đề quyết định hình phạt**

Pháp luật hình sự triều Nguyễn quy định việc quyết định hình phạt trên cơ sở tang vật của vụ án và có tính đến các trường hợp được xét giảm, miễn như bất nghị, trường hợp tự thú.

HVLL cũng có những quy định về vấn đề chuộc tội bằng tiền đối với một số loại tội có tính đến ưu tiên những người có tài sản.

## **KẾT LUẬN CHƯƠNG 2**

1. Triều Hậu Lê - triều đại phong kiến tồn tại lâu dài nhất, suốt 4 thế kỷ trong lịch sử phong kiến nước ta ( từ thế kỷ XV đến XVIII ), là giai đoạn phát triển vượt bậc của Đại Việt trên tất cả các lĩnh vực Chính trị - Kinh tế - Văn hoá - Xã hội. Về mặt pháp luật nói chung và luật hình sự nói riêng, đây cũng là giai đoạn để lại nhiều dấu ấn nhất trong lịch sử lập pháp Đại Việt, bởi cho đến nay những thành tựu về mặt lập pháp trong giai đoạn này vẫn còn được lưu giữ và nó còn ghi nhận những giá trị pháp luật

---

truyền thống của dân tộc Việt Nam như tinh thần nhân đạo, tính công minh... thể hiện qua các quy định của pháp luật hình sự mà đến nay vẫn còn nguyên giá trị, được các nhà lập pháp đương đại chú ý và vận dụng trong giai đoạn hiện nay khi chúng ta đang thực hiện công cuộc xây dựng nhà nước pháp quyền, cải cách tư pháp.

2. Pháp luật hình sự Việt Nam phong kiến dưới triều Nguyễn có những thành tựu đáng kể, với việc ban hành Bộ Hoàng Việt Luật lệ, đã điều chỉnh các quan hệ pháp luật trong xã hội trong đó các quan hệ về pháp luật hình sự là chủ yếu. Giai đoạn này, nhà làm luật đã bắt đầu có sự phân biệt giữa pháp luật hình sự và các ngành pháp luật khác, điều này thể hiện ở việc ngoài những quy định chung, Bộ HVLL còn ghi nhận những quyền riêng về hình luật (từ quyển 12 đến quyển 20). Ngoài việc nhằm bảo vệ vương quyền Nhà Nguyễn, Bộ luật cũng đã ghi nhận những quan điểm tiến bộ, bảo vệ những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc, góp phần điều chỉnh các quan hệ xã hội nói chung và quan hệ pháp luật hình sự nói riêng của xã hội Việt Nam thế kỷ XIX nhiều phức tạp suốt từ Đàng Trong đến Đàng ngoài.

Trên cơ sở nghiên cứu các đặc điểm của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam trong suốt chiều dài lịch sử gần 10 thế kỷ, tác giả sẽ phân tích những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc, từ đó đưa ra các phương hướng hoàn thiện pháp luật hình sự đương đại trong phần tiếp theo của luận văn.

## CHƯƠNG 3

### VẤN ĐỀ LĨNH HỘI NHỮNG GIÁ TRỊ PHÁP LUẬT TRUYỀN THỐNG NHẪM HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT HÌNH SỰ VIỆT NAM ĐƯƠNG ĐẠI

#### 3.1. Sự cần thiết của việc lĩnh hội những giá trị pháp luật truyền thống trong hoạt động lập pháp hình sự đương đại

##### 3.1.1. Đối với hoạt động lập pháp nói chung

*Một là*, bất kỳ một dân tộc nào cũng đều có những giá trị tinh thần truyền thống, trong đó bao gồm cả những giá trị pháp luật cần được bảo tồn và phát triển. Ở Việt Nam, trong quá trình thực hiện công cuộc đổi mới, phát triển và hội nhập thì vấn đề bảo tồn, kế thừa, phát triển những giá trị pháp luật truyền thống ngày càng được Đảng, Nhà nước ta chú trọng và áp dụng trong thực tiễn của đời sống xã hội.

*Hai là*, các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc Việt Nam có trong suốt một thời kỳ lịch sử phong kiến kéo dài gần 10 thế kỷ đóng vai trò tích cực trong việc hình



---

thành hệ tư tưởng pháp luật tiên tiến của dân tộc, phù hợp với pháp luật quốc tế, góp phần nâng cao ý thức pháp luật của các thế hệ công dân Việt Nam, từ đó góp phần tích cực vào quá trình thực hiện tốt chính sách hình sự của Đảng và Nhà nước.

### **3.1.2. Đối với pháp luật hình sự**

*Một là*, là một bộ phận của hệ thống pháp luật nói chung, pháp luật hình sự không thể tách rời trong quá trình lĩnh hội những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự. Việc lĩnh hội các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong thời gian tới là một trong những nhiệm vụ hàng đầu bởi lẽ:

*Hai là*, việc nghiên cứu các đặc điểm của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam trong các phần trước của luận văn đã cho thấy pháp luật hình sự trong giai đoạn đang nghiên cứu thể hiện các giá trị pháp luật truyền thống chung của dân tộc, hình thành nên hệ tư tưởng pháp lý truyền thống của dân tộc Việt Nam mà đến nay vẫn còn giữ nguyên giá trị của nó. Như vậy, đây chính là điều kiện để chúng ta vận dụng những tư tưởng pháp lý truyền thống vào quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đương đại.

*Ba là*, mặc dù những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc có ý nghĩa tích cực trong quá trình hoàn thiện chính sách pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng nhưng cho đến nay vấn đề lĩnh hội và vận dụng có chọn lọc các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc trong quá trình hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng vẫn còn nhiều hạn chế và bất cập.

Do vậy, việc nghiên cứu tổng thể các đặc điểm của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam và qua đó rút ra những giá trị pháp lý truyền thống của dân tộc nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đương đại là một vấn đề cấp bách.

## **3.2. Một số giá trị pháp luật truyền thống cần được lĩnh hội để hoàn thiện pháp luật hình sự Việt nam đương đại**

### **3.2.1. Tinh thần nhân đạo**

*Thứ nhất*, tinh thần nhân đạo trong pháp luật hình sự phong kiến trước hết được thể hiện trong chính sách hình sự của Nhà nước phong kiến bằng việc ghi nhận trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo vệ những người nghèo khổ, cô đơn, bệnh tật, goá bụa, tàn tật hoặc không có khả năng lao động (*TSKH.PGS. Lê Văn Cẩm, Các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc đối với sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền*). Các quy phạm pháp luật hình sự này là việc quy định bắt buộc đối với các quan chức địa phương mà nếu như họ không thực hiện thì sẽ bị xử phạt.

Trong pháp luật hình sự Việt Nam đương đại, quan điểm nhân đạo mang tính truyền thống này của dân tộc không còn được ghi nhận. Đặc biệt trong giai đoạn hiện nay khi Đảng và Nhà nước ta đang rất chú trọng công tác xóa đói, giảm nghèo, thực hiện công tác bảo hiểm y tế miễn phí cho người già và trẻ em thì sẽ nảy sinh rất nhiều

---

vấn đề trong công tác này như thực hiện có đúng không? giải ngân có sai phạm gì?... và điều này thường được ghi nhận bằng việc chịu trách nhiệm về mặt hành chính chứ không được ghi nhận về mặt hình sự.

Vậy thì nên chăng trong thời gian tới, chúng ta nên đưa quan điểm này trong Bộ luật Hình sự vào trong nội dung của pháp luật hình sự Việt Nam, bởi vì chỉ khi đưa nội dung này vào trong Bộ luật hình sự thì mới thấy được tầm quan trọng của nó, và phần nào nâng cao được ý thức trách nhiệm của các cán bộ Nhà nước trong việc thể hiện trách nhiệm của Nhà nước đối với các trường hợp cần được ưu đãi trong xã hội (người già cô đơn, bệnh hiểm nghèo, người nghèo...).

*Thứ hai*, tinh thần nhân đạo trong pháp luật hình sự phong kiến thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với một số đối tượng phạm tội.

Ngoài ra trong QTHL còn có một quy định rất khác đối với pháp luật hình sự hiện đại, đó là: trong việc xử lý tội phạm, QTHL còn lưu ý đến thời điểm phạm tội sao cho có lợi cho tội nhân khi áp dụng luật “khi phạm tội chưa già cả tàn tật, đến khi già cả tàn tật mới bị phát giác thì xử theo luật già cả tàn tật, khi còn bé nhỏ phạm tội đến khi lớn mới phát giác thì xử tội theo luật lúc còn nhỏ” (Điều 17).

Quan điểm nhân đạo này hiện nay vẫn được nhà nước ta ghi nhận trong Bộ luật hình sự 1999 cũng như Bộ luật hình sự 1999 sửa đổi, bổ sung năm 2009

*Thứ ba*, tinh thần nhân đạo trong pháp luật hình sự phong kiến còn được thể hiện trong việc thừa nhận nguyên tắc người thân thuộc gần được che giấu tội cho nhau

So sánh với pháp luật hình sự Việt Nam đương đại, chúng ta cũng nhận thấy, trong chính sách hình sự hiện nay chúng ta cũng phần nào kế thừa được nguyên tắc nhân đạo này, đây là một giá trị pháp luật nhân văn truyền thống được lưu truyền qua các thế hệ người Việt, phù hợp với đời sống tình cảm của dân tộc. Đó là, trong Bộ luật hình sự Việt Nam 1999, Điều 314 về “Tội không tố giác tội phạm” Tuy nhiên pháp luật hình sự hiện hành chỉ quy định trường hợp không tố giác tội phạm còn trường hợp “những người thân thích được che giấu tội cho nhau” lại không quy định. Có thể nói, pháp luật hình sự Việt Nam đương đại loại trừ trường hợp những người thân thích che giấu tội cho nhau để đảm bảo cho quá trình phát hiện và xử lý tội phạm một cách nhanh chóng và không gặp khó khăn, nhưng thực tế và truyền thống nhân văn sâu sắc của dân tộc Việt Nam đã cho thấy rằng, việc những người thân thích gần trong gia đình người phạm tội là vấn đề rất hay xảy ra trong đời sống xã hội. Do vậy, mặc dù không quy định trường hợp này nhưng thực tế vẫn xảy ra và nếu đưa việc này vào xử lý như quy định tại Điều 314 - BLHS 1999 thì rất nhiều và phức tạp. Nên chăng chúng ta cũng kế thừa quan điểm truyền thống mà trong pháp luật hình sự phong kiến nước ta đã từng quy định về trường hợp này.

*Thứ tư*, tinh thần nhân đạo được thể hiện trong việc ghi nhận nguyên tắc chuộc tội bằng tiền đối với một số đối tượng và một số tội.

---

Pháp luật hình sự hiện hành không quy định việc chuộc tội bằng tiền, tuy nhiên người phạm tội dùng tiền để bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả chính là một tình tiết để góp phần giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho họ.

Nhìn lại nguyên tắc này trong pháp luật hình sự phong kiến chúng ta nhận thấy một điểm rất tiến bộ mà trong pháp luật hiện đại chưa kế thừa lĩnh hội được, đó là việc quy định mức tiền chuộc tội sẽ tăng dần theo địa vị xã hội. Đây là quy định mà pháp luật nói chung và pháp luật hình sự đương đại nói riêng cần phải ghi nhận, đặc biệt là trong công cuộc phòng chống tham nhũng, lợi dụng chức quyền hiện nay. Nên chăng chúng ta cần quy định đối với những cán bộ, viên chức nhà nước phạm tội cần quy định xử lý nặng hơn, kể cả không rơi vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “lợi dụng chức vụ, quyền hạn để phạm tội”, bởi họ chính là những người nắm rõ về pháp luật nhất, cần phải là những người đi đầu trong việc thực thi pháp luật nên khi phạm tội cần phải xử lý nặng hơn những người dân bình thường.

*Thứ năm*, tinh thần nhân đạo còn được thể hiện trong việc ghi nhận những quy định về việc bảo vệ thường dân tránh khỏi sự tùy tiện và bạo lực của những người có quyền lực, địa vị, tiền của trong xã hội.

Nguyên tắc này cũng được pháp luật hình sự hiện đại kế thừa như việc ghi nhận tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội”, hoặc ghi nhận một số tội như “tội lợi dụng ảnh hưởng đối với người có chức vụ, quyền hạn để trục lợi” (Điều 291 - Bộ luật hình sự 1999).

Ngoài ra, tinh thần nhân đạo của pháp luật phong kiến còn được thể hiện qua những quy định của pháp luật nhằm bảo vệ chính những người phạm tội, người làm chứng khỏi sự tùy tiện và lạm dụng của quan lại.

Việc phân tích tinh thần nhân đạo thể hiện trong pháp luật hình sự phong kiến cho phép chúng ta khẳng định rằng nhân đạo không chỉ là một nguyên tắc trong pháp luật quốc tế mà đó còn là một nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam nói chung trong đó có pháp luật hình sự, bởi đây là giá trị pháp luật truyền thống lâu đời của dân tộc Việt Nam được ghi nhận trong suốt một chiều dài lịch sử phong kiến kéo dài gần 10 thế kỷ. Và giá trị truyền thống này của dân tộc cần được tiếp tục bảo tồn, xây dựng và phát triển trong tiến trình xây dựng nhà nước pháp quyền, hoàn thiện hệ thống pháp luật.

### **3.2.2. Sự công minh**

*Thứ nhất*, biểu hiện thông qua nguyên tắc không tránh khỏi trách nhiệm hình sự nếu xâm hại đến những giá trị pháp luật được nhà nước phong kiến bảo vệ, và nguyên tắc chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự khi phạm vào tội được quy định trong pháp luật.

Đây là một nguyên tắc tiến bộ mà cho đến ngày nay trong pháp luật hình sự hiện đại vẫn được thừa nhận không chỉ ở Việt Nam mà ngay trong pháp luật quốc tế. Bộ luật hình sự Việt Nam 1999, tại Điều 2 đã ghi nhận “chỉ người nào phạm một tội đã được Bộ luật hình sự quy định mới phải chịu trách nhiệm hình sự”.

---

*Thứ hai*, sự công minh biểu hiện ở việc những nhà cầm quyền (nhà làm luật) luôn luôn ghi nhận một cách rõ ràng và chi tiết những hành vi nào được coi là vi phạm pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng, cũng như ghi nhận chi tiết cụ thể hình phạt áp dụng đối với hành vi vi phạm tương ứng. Trong khi đó, pháp luật hiện đại chúng ta ghi nhận hình phạt theo khung, được coi như một biện pháp nâng cao tính chủ động của thẩm phán khi xét xử, nhưng đây cũng chính là điều kiện dễ gây ra sự bất công bằng nếu như trình độ của thẩm phán kém hoặc hiện tượng nhận hối lộ. Tuy nhiên, chúng ta cũng biết rằng, pháp luật hiện đại đề cao tính chủ động và sáng tạo của người thực hiện pháp luật, nhưng điều này sẽ phù hợp hơn nếu như trình độ, đạo đức nghề nghiệp của những nhà thực hiện pháp luật được nâng cao, nếu không sẽ dễ để xảy ra tình trạng oan sai như trong thời gian vừa qua. Và về mặt nào đó chúng ta cũng phải thừa nhận rằng, việc ghi nhận hình phạt chi tiết cụ thể trong pháp luật phong kiến cũng phần nào góp phần giảm thiểu án oan và tránh tình trạng oan sai, tham nhũng, đặc biệt được đề ra dưới thời vua Lê Thánh Tông.

*Thứ ba*, sự công minh trong pháp luật hình sự phong kiến cũng chính là biểu hiện của việc áp dụng các biện pháp trách nhiệm pháp lý khác nhau khi phạm cùng một tội nhưng với lỗi khác nhau. Từ nguyên tắc này, hình phạt quyết định đối với từng trường hợp phạm tội cụ thể cũng có sự phân biệt.

Ngoài ra, pháp luật hình sự phong kiến, như đã trình bày tại phần trước cũng đã dự liệu các trường hợp mà pháp luật hiện đại gọi là bất khả kháng.

Những nguyên tắc trên trong pháp luật hình sự phong kiến thể hiện sự tiến bộ trong tư tưởng lập pháp của nhà cầm quyền phong kiến, thể hiện sự công bằng, công minh trong quá trình áp dụng pháp luật, và đây là một truyền thống của dân tộc Việt Nam ta và cho đến ngày nay chúng ta vẫn tiếp tục gìn giữ và phát triển vì sự nghiệp xây dựng nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa, công bằng - dân chủ - văn minh. Chẳng hạn, trong Bộ luật hình sự 1999, chúng ta cũng ghi nhận định nghĩa pháp lý của “cố ý phạm tội”(Điều 9) và “Vô ý phạm tội”(điều 10), trên cơ sở đó trong phần các tội phạm ghi nhận các trường hợp cố ý phạm tội và vô ý phạm tội có những hình phạt tương ứng khác nhau.

*Thứ tư*, sự công minh còn biểu hiện ở quy định trách nhiệm pháp lý nghiêm khắc hơn của những người có chức quyền so với những người bình thường.

Nên chăng, pháp luật hình sự hiện đại cũng cần đưa quy định này vào trong luật thực định, chẳng hạn, coi tình tiết nếu là cán bộ viên chức phạm tội(nhân thân) là một tình tiết tăng nặng, đây cũng là một vấn đề mà theo tác giả cần được cân nhắc xem xét trong quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong thời gian tới.

### **3.2.2. Bảo vệ các chuẩn mực đạo đức được thừa nhận chung của Phương Đông**

( Xem TSKH.PGS. Lê Văn Cẩm “Các giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc đối với sự nghiệp xây dựng Nhà nước pháp quyền” )

---

*Thứ nhất*, pháp luật hình sự phong kiến ghi nhận và bảo vệ những nền tảng đạo đức chung trong xã hội Phương Đông phong kiến, đó là tình cảm trong gia đình giữa ông bà, cha mẹ, con cái, vợ chồng, tình cảm thầy trò...

Trong pháp luật hình sự Việt Nam hiện nay, mặc dù không ghi nhận trực tiếp như trong pháp luật phong kiến bằng một loại tội danh nào trong Bộ luật hình sự nhưng pháp luật hình sự Việt Nam ghi nhận bằng việc ghi nhận tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội đối với trẻ em, phụ nữ có thai, người già, người ở trong tình trạng không thể tự vệ được hoặc đối với người lệ thuộc mình về mặt vật chất, tinh thần, công tác hoặc các mặt khác”(điểm h, khoản 1, Điều 48 Bộ luật hình sự 1999).

*Thứ hai*, bảo vệ những giá trị đạo đức của dân tộc ở một chừng mực nhất định còn biểu hiện qua việc bằng việc ghi nhận chính sách ưu đãi người hiền tài, bằng chế độ “bất nghị” trong pháp luật hình sự. Chính sách khuyến khích người đức hành tài năng trong xã hội là một trong những chính sách truyền thống của nước ta mà đến ngày nay chúng ta vẫn tiếp tục kế thừa phát huy.

Giá trị này của pháp luật có ý nghĩa quan trọng trong công cuộc xây dựng, hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đương đại. Nên chăng trong thời gian tới, trong công tác xây dựng hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam chúng ta cần quan tâm nghiên cứu để đưa vào pháp luật vấn đề bảo vệ trực tiếp những giá trị đạo đức truyền thống của dân tộc, (chẳng hạn, chúng ta có thể đưa trực tiếp điều luật phạm tội với cha mẹ, người nuôi nấng... là một trong những tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự).

### **KẾT LUẬN CHƯƠNG 3**

1. Trên cơ sở của việc nghiên cứu những đặc điểm của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam kéo dài suốt gần mười thế kỷ, tác giả đã khái quát những giá trị pháp luật truyền thống của dân tộc có ý nghĩa quan trọng đối với sự nghiệp xây dựng, hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong thời gian tới.

2. Bằng việc phân tích, đánh giá, so sánh những giá trị pháp luật truyền thống được thể hiện trong pháp luật hình sự phong kiến và đương đại, tác giả đã khẳng định những giá trị pháp luật truyền thống này đã và đang được kế thừa, phát huy trong việc ghi nhận bằng những quy phạm pháp luật hình sự phù hợp với điều kiện nền kinh tế xã hội hiện đại nhưng vẫn phát huy được truyền thống của dân tộc và trong thời gian tới chúng ta cần tiếp tục có những nghiên cứu và vận dụng những giá trị pháp luật truyền thống này của dân tộc trong quá trình hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam. Điều này đã góp phần vào công cuộc cải cách tư pháp nói chung mà Đảng và Nhà nước ta đã và đang tiến hành.

---

## PHÂN KẾT LUẬN

1. Bằng việc nghiên cứu các vấn đề về đặc điểm pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam suốt một chiều dài lịch sử từ khi thành lập Nhà nước phong kiến Việt Nam đầu tiên(Nhà Ngô năm 939) đến triều đại phong kiến cuối cùng ở Việt Nam(triều Nguyễn kết thúc năm 1884), tác giả đã đề cập đến những vấn đề cơ bản của pháp luật hình sự phong kiến trong giai đoạn đang nghiên cứu, phân tích những đặc điểm cơ bản của pháp luật phong kiến giai đoạn này bằng việc nghiên cứu các văn bản pháp luật hình sự có liên quan đến từng giai đoạn.

2. Trên cơ sở nghiên cứu những đặc điểm của pháp luật hình sự phong kiến Việt Nam, tác giả đã rút ra những giá trị pháp luật mang tính truyền thống của dân tộc, đồng thời phân tích sự cần thiết của việc cần phải lĩnh hội những giá trị pháp luật này vào quá trình hoàn thiện pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng.

3. So sánh những điểm mà pháp luật hình sự đương đại đã và đang lĩnh hội, những vấn đề mà trong thời gian tới chúng ta cần tiếp tục kế thừa, phát huy trong điều kiện hiện tại nhằm hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam đương đại, góp phần vào quá trình hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung- là một trong những nhiệm vụ của công cuộc cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta trong thời gian vừa qua đã và đang tiếp tục triển khai thực hiện. Trên cơ sở phân tích và so sánh đó, tác giả cho rằng cần đưa ra một số sửa đổi đối với pháp luật hình sự Việt Nam đương đại, đó là:

- Ghi nhận tình tiết nhân thân “ người có chức vụ phạm tội” là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trong Bộ luật hình sự năm 1999, tại điểm c, khoản 1, điều 48 chỉ ghi nhận tình tiết “lợi dụng chức vụ quyền hạn để phạm tội” là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, trong khi đó, có rất nhiều trường hợp người có chức vụ quyền hạn phạm tội(mặc dù không lợi dụng chức vụ đó để phạm tội), và việc phạm tội đó của họ thường ảnh hưởng đến dư luận xã hội lớn hơn các đối tượng tội phạm khác. Do vậy, nhằm nâng cao ý thức pháp luật nói chung và pháp luật hình sự nói riêng của bộ phận đối tượng này thì pháp luật hình sự trong thời gian tới cần quy định tình tiết nhân thân “là người có chức vụ quyền hạn phạm tội” là một tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, đây cũng là một quy định tiến bộ mà pháp luật phong kiến nước ta đã ghi nhận và chúng ta nên kế thừa và phát huy.

- Ghi nhận thêm trong phần các tội phạm về tội thiếu trách nhiệm trong hoạt động nhân đạo trong phạm vi địa phương quản lý trong Chương các tội phạm về chức vụ, song song với quy định này pháp luật cần quy định trách nhiệm của người có quyền hạn trong hoạt động nhân đạo tại địa phương.

---

4. Với nghiên cứu này của mình, tác giả hy vọng những luận điểm được trình bày trong luận văn này sẽ góp phần về mặt lý luận tham khảo để hoàn thiện pháp luật hình sự Việt Nam trong thời gian tới, vừa mang tính tiến bộ của thời đại, vừa tiếp thu được những giá trị truyền thống pháp luật tốt đẹp của dân tộc, là một điều kiện để pháp luật được áp dụng trong thực tiễn có hiệu quả. Đồng thời, nghiên cứu này sẽ là tài liệu tham khảo trong nghiên cứu, giảng dạy cũng như học tập về luật hình sự Việt Nam nói riêng và pháp luật nói chung.